

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-11-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Tuấn;

Bà Lương Thùy Linh

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 92/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2023; về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phương Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 01/10/2023, các lời khai sau đó và quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn chị Phương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 01/8/2017. Sau khi kết hôn, do chị và anh Đ không cùng quan điểm sống nên dẫn

đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh Đ không tu trí làm ăn, thường xuyên uống rượu say về gây sự đui đánh chị. Đến tháng 7/2020 chị đã bỏ về thôn N, xã L sống đến nay, không ai quan tâm hay hỏi thăm nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Đ không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ, đồng thời chị xin giải quyết, xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Văn Đ không có con chung, tài sản chung gì, không vay nợ ai.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Văn Đ, nhưng anh Nguyễn Văn Đ không cung cấp bản khai cho Tòa án và cũng không hợp tác nên Tòa án không thể lấy lời khai của anh Nguyễn Văn Đ được.

Tại biên bản làm việc ngày 22/11/2023 với ông Nguyễn Văn P là anh trai của anh Nguyễn Văn Đ cho biết: Ông đã giao các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn Đ. Quá trình chung sống thì ông thấy vợ chồng chị T và anh Đ có mâu thuẫn, cãi nhau nhưng mâu thuẫn không lớn. Từ năm 2020 thì chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn N, xã L còn anh Đ vẫn sống ở B, xã T. Từ năm 2020 ông không thấy chị T về nhà thăm anh Đ lần nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản xác minh ngày 14/11/2023 với Phó thôn B, xã T, huyện Lộc Bình cho biết: Quá trình chung sống giữa T và anh Đ có mâu thuẫn xảy ra, thỉnh thoảng có đánh chửi nhau nhưng việc mâu thuẫn không báo chính quyền thôn để giải quyết. Anh Đ đi làm ăn vẫn thỉnh thoảng về, còn chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ khoảng năm 2022 cho đến nay. Anh Đ và chị T không có con chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đúng việc thu thập tài liệu chứng cứ, việc tổng đạt văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ, trình tự thụ lý, thời hạn chuẩn bị xét xử và nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93 đến Điều 97, Điều 175, Điều 177, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục chuẩn bị khai mạc phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Phương Thị T và anh Nguyễn Văn Đ được

tự do tìm hiểu và gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị Phương Thị T và anh Nguyễn Văn Đ đã ly thân, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm hỏi han chăm sóc lẫn nhau, nay chị Phương Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Anh Nguyễn Văn Đ không có ý kiến gì, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Phương Thị T và anh Nguyễn Văn Đ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Phương Thị T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Phương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không xem xét. Nguyên đơn chị Phương Thị T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn chị Phương Thị T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng không có mặt. Theo quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Phương Thị T và anh Nguyễn Văn Đ theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ, cư trú tại thôn Bản Giếng, xã Tú Mịch, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phương Thị T và anh Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận số 24, ngày 01/8/2017, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Phương Thị T và anh Nguyễn Văn Đ đã sống ly thân, không còn quan tâm yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích

hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, anh Nguyễn Văn Đ không có ý kiến gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Phương Thị T và anh Nguyễn Văn Đ không có con chung. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phương Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phương Thị T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số (dân tộc Tày), sống tại xã Lợi Bắc, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 24, đăng ký ngày 01/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn*)

2. Về án phí: Chị Phương Thị T được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai